

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **415/2022/DS-ST**

Ngày 21 tháng 9 năm 2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Ngọc Ánh.
2. Ông Đoàn Thanh Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 8 năm 2022 và 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2022/TLST- DS, ngày 26 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Mai Công T**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp Tr, xã Tr1, huyện C, tỉnh T2.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp Đ1, xã Đ2, huyện Chợ Gạo, tỉnh T2.

2. Bị đơn:

- Anh **Trần Văn Đ**, sinh năm 1983;

- Chị **Lương Thị Bé T1**, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: Ấp Tr, xã Tr1, huyện C, tỉnh T2.

(Có mặt chị N, anh Đ; vắng mặt chị T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 29/3/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Mai Công T là chị Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày:

Ngày 04/02/2018, anh Mai Công T có cho vợ chồng anh Trần Văn Đ, chị Lương Thị Bé T1 vay số tiền là 1.500.000.000 đồng. Anh Đ có viết và ký tên vào biên nhận, mục đích vay là để mua đất huyện T3, lãi suất 1,5%/tháng. Anh T đã nhiều lần yêu cầu anh Đ và chị T1 trả số nợ 1.500.000.000 đồng nhưng anh Đ và chị T1 không thực hiện. Nay anh T yêu cầu anh Đ và chị T1 phải trả cho anh số tiền 1.500.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 04/02/2018 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ kiện.

* Tại bản khai ngày 12/5/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Văn Đ trình bày: Ngày 04/02/2018, anh có viết và ký tên vào biên nhận có vay của anh Tiếp số tiền là 1.500.000.000 đồng, mục đích vay là để mua đất huyện T2, lãi suất 1,5%/tháng. Anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh T là liên đới với chị Lương Thị Bé T1 trả cho anh T số tiền 1.500.000.000 đồng và tiền lãi.

* Tại bản khai ngày 12/5/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lương Thị Bé T1 trình bày: Chị không biết anh Trần Văn Đ vay số tiền 1.500.000.000 đồng của anh T để làm gì, chị không sử dụng số tiền này nên không đồng ý trả.

* Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày: Anh Đ và chị T1 có vay tiền của anh T nhiều lần, các khoản vay trước đã trả rồi. Ngày 04/02/2018, anh Đ và chị T1 vay số tiền 1.500.000.000 đồng và có thỏa thuận miệng vài ngày sau sẽ trả. Anh Đ và chị T1 trả tiền lãi cho anh Tiếp một tháng thì ngưng. Nay anh T yêu cầu anh Đ và chị T1 phải trả cho anh số tiền 1.500.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 04/03/2018 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ kiện.

- Bị đơn anh Đ trình bày: Anh và chị T1 có vay tiền của anh T nhiều lần, các khoản vay trước đã trả rồi. Ngày 04/02/2018, anh và chị T1 vay số tiền 1.500.000.000 đồng và có thỏa thuận miệng vài ngày sau sẽ trả. Anh có trả lãi cho anh T một lần vào tháng 03/2018 rồi ngưng cho đến nay. Thời gian này anh có vay tiền Ngân hàng để đầu tư vốn làm ăn. Anh và chị T1 dùng số tiền 1.500.000.000 đồng này để mua khoảng hơn 9.000m² đất tại huyện T2 của ông H, bà Đ1. Do đây là tài sản chung của vợ chồng nên chị T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh cũng có đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các phần đất khác. Chị T1 biết việc anh vay tiền của anh T để mua đất. Nay anh đồng ý liên đới với chị T1 trả cho anh T số tiền 1.500.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 04/03/2018 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và đương sự từ khi thụ lý vụ án cho

đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, buộc anh Đua và chị T1 phải trả cho anh T số tiền 1.500.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 04/03/2018 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn là anh Mai Công T khởi kiện yêu cầu anh Trần Văn Đ và chị Lương Thị Bé T1 trả số tiền vay còn nợ nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại các Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*:

Ngày 12/5/2022, bị đơn chị Lương Thị Bé T1 có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về yêu cầu của nguyên đơn*:

[3.1] *Về yêu cầu anh Đ và chị T1 liên đới trả nợ*:

Xét thấy, biên nhận ngày 04/02/2018 có thể hiện mục đích vay tiền là mua đất huyện T2. Ngày 28/02/2018, chị Lương Thị Bé T1 có nhận chuyển nhượng phần đất diện tích 4.649m² thuộc thửa số 231, tờ bản đồ C3; phần đất diện tích 4.749m² thuộc thửa số 232, tờ bản đồ C3 và phần đất diện tích 149m² thuộc thửa số 2276, tờ bản đồ C3 tại ấp 2, xã T4, huyện T3, tỉnh T của ông Đinh Văn H và bà Phạm Thị Đ1. Theo biên bản xác minh ngày 06/9/2022, giá chuyển nhượng thực tế tại địa phương đối với phần đất trên vào thời điểm tháng 02/2018 là 300.000.000 đồng - 500.000.000 đồng/1.000m². Anh Đua thừa nhận anh và chị Tư vay số tiền 1.500.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng các phần đất nêu trên là phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn. Vì vậy lời trình bày của chị Tư là không có cơ sở và không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là yêu cầu anh Đua và chị Tư cùng liên đới trả số tiền 1.500.000.000 đồng.

[3.2] *Về yêu cầu trả số tiền vay*:

Anh Mai Công Tiếp yêu cầu anh Trần Văn Đua và chị Lương Thị Bé Tư trả cho anh số tiền 1.500.000.000 đồng.

Xét biên nhận ngày 04/02/2018 thể hiện ý chí thỏa thuận của bên cho vay và bên vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Anh Trần Văn Đ thừa nhận biên nhận ngày 03/12/2015 là do anh viết, ký tên, ghi họ tên, anh và chị T1 có vay của anh T số tiền 1.500.000.000 đồng. Hai bên thống nhất có thỏa

thuận lãi suất là 1,5%/tháng, anh Đ và chị T1 chỉ đóng lãi được 01 tháng rồi ngưng. Anh Đ và chị T1 còn nợ anh T số tiền 1.500.000.000 đồng và đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản theo các Điều 282 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T.

[3.3] Về yêu cầu trả tiền lãi:

Xét biên nhận ngày 04/02/2018 và lời khai của các đương sự thống nhất hai bên có thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, anh Đ và chị T1 chỉ đóng lãi được 01 tháng rồi ngưng. Nhưng nay anh T chỉ yêu cầu anh Đ và chị T1 trả tiền lãi đối với số tiền 1.500.000.000 đồng theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 04/3/2018 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ kiện (54 tháng) là có căn cứ theo Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Tiền lãi là 672.300.000 đồng.

[4] Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] *Về án phí:* Anh Đ và chị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 282, 357, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Mai Công T.

Buộc anh Trần Văn Đ và chị Lương Thị Bé T1 có trách nhiệm trả cho anh Mai Công T số tiền 1.500.000.000 đồng và số tiền lãi 672.300.000 đồng, tổng cộng là 2.172.300.000 đồng (hai tỷ một trăm bảy mươi hai triệu ba trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Anh Trần Văn Đ và chị Lương Thị Bé T1 phải chịu 75.446.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch.

Trả lại cho anh Mai Công T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.100.000 đồng theo biên lai thu tiền số 000566 ngày 21/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh T2.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Mai Công T và anh Trần Văn Đ có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lương Thị Bé T1 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND h. Chợ Gạo;
- Chi cục THADS h. Chợ Gạo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Huyền Ni